

Cấu trúc đề kiểm tra : 40 câu hỏi trắc nghiệm trong đó:

- 15 câu sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam

- 25 câu trắc nghiệm từ các bài: 2 + 6+ 7 + 8 + 9

A. LÝ THUYẾT: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

BÀI 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ.

Câu 1. Nước Việt Nam nằm ở

- A. bán đảo Trung Ấn, trung tâm Đông Nam Á. B. rìa phía đông châu Á, khu vực ôn đới.
C. rìa phía đông của bán đảo Đông Dương. D. phía đông Thái Bình Dương.

Câu 2. Việt Nam có đặc điểm vị trí địa lí là

- A. gắn với lục địa Á – Âu, giáp biển Đông và thông ra Thái Bình Dương.
B. gắn với lục địa Phi, giáp biển Đông và thông ra Thái Bình Dương.
C. gắn với bán đảo Ả rập, giáp biển Đông và thông ra Thái Bình Dương.
D. gắn với lục địa Á – Âu, giáp biển Đông và thông ra Đại Tây Dương.

Câu 3. Vị trí địa lí của nước ta

- A. nằm trên vành đai sinh khoáng. B. ở trong vùng có nhiều thiên tai.
C. ở giữa trung tâm Đông Nam Á. D. hoàn toàn nằm ở vùng xích đạo.

Câu 4. Lãnh thổ nước ta

- A. có vùng đất gấp nhiều lần vùng biển. B. chỉ tiếp giáp với các quốc gia trên biển.
C. nằm hoàn toàn ở trong vùng xích đạo. D. có đường bờ biển dài từ bắc vào nam.

Câu 5. Vị trí địa lí nước ta

- A. ở trung tâm Đông Nam Á. B. nằm trên vành đai sinh khoáng.
C. giáp với nhiều nước khác nhau. D. tiếp giáp với Ấn Độ Dương.

Câu 6. Nước ta có vị trí địa lí

- A. phía tây bán đảo Đông Dương. B. giáp với Biển Đông rộng lớn.
C. ở gần với trung tâm châu Á. D. trên các vành đai sinh khoáng.

Câu 7. Việc thông thương qua lại giữa nước ta với các nước láng giềng được tiến hành thông qua

- A. cửa khẩu. B. đường biển. C. đường hàng không. D. đường thủy.

Câu 8. Đường biên giới thường được xác định theo dạng địa hình nào sau đây?

- A. Các đỉnh núi. B. Các ô trũng. C. Các dãy núi. D. Các thung lũng.

Câu 9. 2100km là đường biên giới của Việt Nam với

- A. Lào. B. Trung Quốc. C. Căm Pu Chia. D. biển Đông.

Câu 10. 1400km là đường biên giới của Việt Nam với

- A. Lào. B. Trung Quốc. C. Căm Pu Chia. D. biển Đông.

Câu 11. Giới hạn: “Tiếp giáp với đất liền, bên trong đường cơ sở “thuộc bộ phận nào của vùng biển nước ta?

- A. Lãnh hải B. Tiếp giáp lãnh hải C. Thềm lục địa D. Nội thủy

Câu 12. Giới hạn: “Từ đường cơ sở ra 12 hải lí” thuộc bộ phận nào của vùng biển nước ta?

- A. Lãnh hải B. Tiếp giáp lãnh hải C. Thềm lục địa D. Vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 13. Giới hạn: “cách đều lãnh hải, rộng 12 hải lí” thuộc bộ phận nào của vùng biển nước ta?

- A. Lãnh hải B. Tiếp giáp lãnh hải C. Thềm lục địa D. Vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 14. Giới hạn: “từ đường cơ sở ra 200 hải lí” thuộc bộ phận nào của vùng biển nước ta?

- A. Lãnh hải. B. Tiếp giáp lãnh hải. C. Thềm lục địa D. Vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 15. Giới hạn: “từ đường cơ sở ra đến bờ rìa lục địa - nơi có độ sâu $\geq 200m$ ” thuộc bộ phận nào của vùng biển nước ta?

- A. Lãnh hải. B. Tiếp giáp lãnh hải. C. Thềm lục địa D. Vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 16. Nội thủy là

- A. vùng nước tiếp giáp với đất liền, rộng 12 hải lí.
B. vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở bên ngoài đường cơ sở.
C. vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
D. giáp với vùng đặc quyền kinh tế, ở bên trong đường cơ sở.

Câu 17. Lãnh hải là

- A. vùng nước tiếp giáp với đất liền, rộng 12 hải lí.
B. vùng nước giáp với đất liền, bên ngoài đường cơ sở.
C. phần ngầm dưới đáy biển và lòng đất dưới đáy biển.
D. vùng thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, rộng 12 hải lí.

Câu 18. Đặc quyền kinh tế là vùng

- A. tiếp liền với lãnh hải và hợp thành vùng biển rộng 24 hải lí.
B. tiếp liền với lãnh hải và hợp thành vùng biển rộng 200 hải lí.
C. tiếp liền với nội thủy và hợp thành vùng biển rộng 24 hải lí.
D. tiếp giáp với thềm lục địa, có độ sâu 200m hoặc sâu hơn nữa.

Câu 19. Biển Đông đã làm cho khí hậu nước ta

- A. mang tính nhiệt đới. B. mang tính hải dương. C. phân hóa đa dạng. D. ôn hòa hơn.

Câu 20. Nhờ tiếp giáp biển Đông nên nước ta có

- A. nền nhiệt cao, nhiều nắng. B. khí hậu phân hóa đa dạng.
C. lượng mưa và độ ẩm lớn. D. nhiều tài nguyên khoáng sản.

Câu 21: Vị trí tiếp giáp với biển nên nước ta có

- A. nền nhiệt cao, chan hòa ánh nắng. B. khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt.
C. thực vật xanh tốt, giàu sức sống. D. thiên nhiên có sự phân hóa đa dạng.

Câu 22. Nằm trên đường di cư và di lưu của nhiều loài động, thực vật nên Việt Nam có

- A. tài nguyên sinh vật phong phú. B. nhiều tài nguyên khoáng sản.
C. thiên nhiên phân hóa đa dạng. D. nhiều vùng tự nhiên trên lãnh thổ.

Câu 23. Nước ta có nguồn khoáng sản phong phú do vị trí địa lí

- A. liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương - Địa Trung Hải.
- B. liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương.
- C. tiếp giáp biển Đông, nằm ở rìa phía Đông của bán đảo Đông Dương.
- D. tiếp xúc giữa lục địa và đại dương, thuộc vành đai lửa Thái Bình Dương.

BÀI 6. ĐỊA HÌNH NHIỀU ĐỒI NÚI

Câu 1. Đất nước ta nhiều đồi núi thể hiện ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Cấu trúc địa hình đa dạng.
- B. Địa hình có tính phân bậc.
- C. 3/4 diện tích là đồi núi thấp.
- D. 1% diện tích là núi cao.

Câu 2. Địa hình nước ta thấp dần theo hướng

- A. đông bắc – tây nam.
- B. đông nam – tây bắc.
- C. tây bắc – đông nam.
- D. tây nam – đông bắc.

Câu 3. Hướng Tây Bắc – Đông Nam của địa hình nước ta thể hiện rõ ở vùng núi nào sau đây?

- A. Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.
- B. Đông Bắc và Trường Sơn Bắc.
- C. Đông Bắc và Trường Sơn Nam.
- D. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

Câu 4. Hướng vòng cung của địa hình nước ta thể hiện rõ ở vùng núi

- A. Tây Bắc và Đông Bắc.
- B. Đông Bắc và Trường Sơn Nam.
- C. Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.
- D. Đông Bắc và Trường Sơn Bắc.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây đúng về đặc điểm địa hình ở nước ta?

- A. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.
- B. Mang tính cận xích đạo gió mùa.
- C. Núi cao chiếm phần lớn diện tích.
- D. Ít chịu tác động của con người.

Câu 6. Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình nước ta thuộc vùng nhiệt đới ẩm gió mùa?

- A. Xâm thực ở đồi núi, bồi tụ ở đồng bằng hạ lưu sông.
- B. Bồi tụ ở đồi núi, xâm thực nhanh ở đồng bằng ven biển.
- C. Xâm thực ở đồi núi, xâm thực sâu ở vùng đồng bằng.
- D. Xâm thực mạnh ở đồi núi, đồng bằng bồi tụ phù sa yếu.

Câu 7. Vùng núi Đông Bắc nằm ở

- A. phía đông của thung lũng sông Hồng.
- B. từ núi con Voi tới thung lũng sông Mã.
- C. giữa sông Hồng và sông Cả.
- D. giữa sông Hồng và sông Thái Bình.

Câu 8: Đặc điểm nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. có các cao nguyên ba dan, xếp tầng.
- B. núi thấp chiếm ưu thế, hướng vòng cung.
- C. các khối núi cao và đồ sộ nhất nước ta.
- D. có 3 mạch núi hướng tây bắc - đông nam.

Câu 9. Giới hạn của vùng núi Tây Bắc là

- A. giữa sông Hồng và sông Cả.
- B. từ dãy núi con Voi tới sông Mã.
- C. phía Đông thung lũng sông Hồng.
- D. dọc biên giới Việt – Lào.

Câu 10. Đặc điểm nổi bật của vùng núi Tây Bắc là

- A. địa hình hẹp ngang, bị chia cắt.
- B. địa hình thấp, bằng phẳng.
- C. địa hình cao, đồ sộ nhất cả nước.
- D. địa hình có hướng vòng cung.

Câu 11: Địa hình của vùng núi Tây Bắc có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng tây bắc - đông nam. B. Địa hình cao nhất nước, hướng tây bắc - đông nam.
C. Có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông - Tây. D. Thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

Câu 12: Vùng núi có phạm vi từ phía Nam sông Cả tới dãy Bạch Mã là

- A. Trường Sơn Bắc. B. Trường Sơn Nam. C. Tây Bắc. D. Đông Bắc.

Câu 13: Hướng chính của địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc là

- A. vòng cung B. Tây Bắc - Đông Nam
C. Đông - Tây. D. Bắc Tây Bắc- Nam Đông Nam.

Câu 14: Đặc điểm “hẹp ngang, cao ở hai đầu, thấp ở giữa” là hình thái vùng núi

- A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 15: Ranh giới giữa vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam của nước ta là

- A. dãy núi Hoàng Sơn. B. sông Cả. C. dãy núi Bạch Mã. D. sông Hồng.

Câu 16: Hướng chính của địa hình vùng núi Trường Sơn Nam là

- A. vòng cung B. Tây Bắc - Đông Nam C. Đông - Tây. D. Đông Bắc - Tây Nam.

Câu 17: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng về đồng bằng châu thổ?

- A. Rộng và tương đối bằng phẳng. B. Hẹp ngang, bị chia cắt mạnh.
C. Do sông ngòi bồi đắp phù sa. D. Mở rộng ra thêm lục địa

Câu 18: Điểm khác nhau cơ bản giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là

- A. có diện tích rộng lớn. B. do phù sa sông bồi đắp.
C. tương đối bằng phẳng. D. có đê sông ngăn lũ.

Câu 19: So với Đồng bằng sông Cửu Long thì địa hình Đồng bằng sông Hồng

- A. thấp hơn và bằng phẳng hơn. B. cao hơn và bằng phẳng hơn.
C. thấp hơn và ít bằng phẳng hơn. D. cao hơn và ít bằng phẳng hơn.

Câu 20: Thiên tai chủ yếu ở đồng bằng là

- A. bão, lũ, hạn hán. B. bão, lụt, hạn hán. C. lũ, động đất, lụt. D. bão, lũ, mưa đá.

BÀI 8. THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN.

Câu 1: Biển Đông có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Nằm trong vùng xích đạo nóng ẩm. B. Là một biển kín, bao bọc bởi các đảo.
C. Nằm ở phía đông của Thái Bình Dương. D. Phía đông mở ra Thái Bình Dương.

Câu 2: Đặc điểm chung vùng biển nước ta là

- A. biển lớn, mở rộng ra đại dương và nóng quanh năm. B. biển nhỏ, tương đối kín và nóng quanh năm.
C. biển lớn, tương đối kín, mang tính nhiệt đới gió mùa. D. biển nhỏ, mở và mang tính nhiệt đới gió mùa.

Câu 3: Biển Đông ảnh hưởng sâu sắc đến yếu tố thiên nhiên nào sau đây ở nước ta?

- A. Sinh vật. B. Địa hình. C. Khí hậu. D. Khoáng sản.

Câu 4. Nhờ có Biển Đông nên khí hậu nước ta

- A. ôn hòa hơn. B. điều hòa hơn. C. khắc nghiệt hơn. D. phân hóa hơn.

Câu 5: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

- A. nhiệt độ trung bình cao. B. độ ẩm không khí lớn.
C. địa hình nhiều đồi núi. D. sự phân mùa khí hậu.

Câu 6: Biển Đông nằm trong vùng nội chí tuyến nên có đặc tính là

- A. độ mặn không lớn. B. có nhiều dòng hải lưu.
C. nóng ẩm quanh năm. D. biển tương đối lớn.

Câu 7. Ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta vào thời kỳ đầu mùa đông là

- A. giảm nhiệt độ không khí. B. gây mưa ở đồng bằng Bắc Bộ.
C. tăng độ ẩm không khí. D. giảm tính lạnh, khô của thời tiết.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây của biển Đông có ảnh hưởng lớn nhất đến tự nhiên nước ta?

- A. Có diện tích lớn, lượng nước dồi dào. B. Nóng ẩm, chịu ảnh hưởng của gió mùa.
C. Biển kín và có hải lưu chảy khép kín. D. Có diện tích lớn, thêm lục địa mở rộng.

Câu 9: Đặc điểm nào sau đây của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta?

- A. Có diện tích lớn. B. Tính nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. Biển tương đối kín. D. Có thêm lục địa mở rộng.

Câu 10: Nhờ tiếp giáp với biển Đông nên khí hậu nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có sự phân hóa đa dạng giữa các khu vực. B. Mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng.
C. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa. D. Có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm và mưa nhiều.

Câu 11. Thiên tai *không* thuộc vùng biển nước ta là

- A. bão biển. B. sạt lở. C. cát bay. D. sóng thần.

Câu 12. Thiên tai gây hậu quả nặng nề đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng ven biển nước ta là

- A. sạt lở bờ biển. B. bão nhiệt đới.
C. sóng thần. D. triều cường.

Câu 13. Sạt lở bờ biển diễn ra chủ yếu ở ven biển

- A. Bắc Bộ. B. Trung Bộ. C. Đông Nam Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 14. Dạng địa hình ven biển thuận lợi để nuôi trồng thủy sản là

- A. đảo ven bờ. B. đầm phá. C. bờ biển mài mòn. D. bãi cát phẳng.

Câu 15. Dạng địa hình ven biển thuận lợi để hình thành các hải cảng là

- A. tam giác châu. B. bãi triều. C. đầm phá. D. vũng vịnh.

Câu 16. Dạng địa hình ven biển có giá trị du lịch phổ biến ở nước ta hiện nay là

- A. bãi cát ven biển. B. rạn san hô. C. vũng, vịnh. D. tam giác châu.

Câu 17: Biểu hiện của tính đa dạng địa hình ven biển nước ta là có

- A. vịnh cửa sông và bờ biển mài mòn. B. đảo ven bờ và quần đảo xa bờ.
C. dạng địa hình khác nhau ở ven biển. D. đầm phá và các bãi cát phẳng.

Câu 18. Loại khoáng sản có tiềm năng vô tận ở Biển Đông là

- A. dầu khí. B. muối biển. C. cát thủy tinh. D. titan.

Câu 19. Tài nguyên khoáng sản có giá trị kinh tế nhất ở vùng biển Đông nước ta là

- A. ô-xit titan. B. muối. C. sa khoáng. D. dầu mỏ.

Câu 20. Hệ sinh thái ven biển đa dạng và giàu có nhất nước ta là

- A. nhiều tôm, cá. B. rừng ngập mặn. C. các rạn san hô. D. hệ sinh thái trên đảo.

BÀI 9. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỐI ẨM GIÓ MÙA: KHÍ HẬU NHIỆT ĐỐI ẨM GIÓ MÙA

Câu 1. Đặc điểm cơ bản của khí hậu ở nước ta là

- A. mang tính cận xích đạo gió mùa. B. có 2 mùa nóng và mùa lạnh rõ rệt.
C. có 2 mùa mưa và mùa khô rõ rệt. D. mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 2. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta biểu hiện ở

- A. độ ẩm lớn, cân bằng ẩm luôn dương. B. lượng mưa lớn: 1500 - 2000mm/ năm
C. trong năm có hai mùa mưa – khô rõ rệt. D. cân bằng bức xạ dương quanh năm.

Câu 3. Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta được thể hiện ở tổng số giờ nắng khoảng

- A. 1400 - 3000 giờ /năm. B. 140 - 300 giờ /năm.
C. 1040 - 3000 giờ /năm. D. 1400 - 2000 giờ /năm.

Câu 4: Nhiệt độ trung bình năm ở nước ta trên

- A. 20°C B. 25 °C C. 30 °C D. 35°C

Câu 5: Nhiệt độ trung bình năm của nước ta có đặc điểm là

- A. tăng từ Bắc vào Nam. B. tăng dần từ Nam ra Bắc.
C. cao nhất ở miền Trung và giảm ở 2 miền Bắc, Nam. D. đồng đều trên phạm vi cả nước.

Câu 6: Tính chất nhiệt đới của khí hậu được quy định bởi vị trí địa lí nước ta

- A. nằm tiếp giáp biển Đông. B. thuộc khu vực châu Á gió mùa.
C. thuộc bán đảo Đông Dương. D. trong khu vực nội chí tuyến.

Câu 7: Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên

- A. nhiệt độ trung bình năm cao. B. mưa tập trung theo mùa.
C. giàu có các loại khoáng sản. D. có các quần đảo ở xa bờ.

Câu 8: Tính chất ẩm của khí hậu nước ta được biểu hiện rõ nhất ở

- A. sông ngòi nước ta nhiều nước. B. lượng bốc hơi trong năm lớn.
C. lượng mưa trung bình năm lớn. D. lượng cân bằng ẩm luôn dương.

Câu 9: Lượng mưa trung bình năm ở nước ta khoảng

- A. 1000mm đến 2000mm. B. 2000 mm đến 2500mm.
C. 1000mm đến 1500mm. D. 1500mm đến 2000mm.

Câu 10: Nước ta có lượng mưa lớn chủ yếu do

- A. Tín phong hoạt động quanh năm. B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. các khối khí ẩm đi qua biển. D. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.

Câu 11. Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ ở nước ta (trừ Trung Bộ) là do hoạt động của

A. gió mùa Tây Nam và Tín phong.

B. gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.

C. Tín phong và dải hội tụ nhiệt đới.

D. gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc.

Câu 12: Trong chế độ khí hậu, ở miền Bắc phân chia thành 2 mùa là

A. mùa đông lạnh, mưa nhiều và mùa hạ nóng, ít mưa.

B. mùa đông ẩm áp, mưa nhiều và mùa hạ mát mẻ, ít mưa.

C. mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.

D. mùa đông ẩm áp, ít mưa và mùa hạ mát mẻ, mưa nhiều.

Câu 13: Trong chế độ khí hậu, Nam Bộ và Tây Nguyên phân chia thành 2 mùa rõ rệt là

A. đông và hè.

B. nóng và lạnh.

C. thu và xuân.

D. mưa và khô.

Câu 14: Từ vĩ tuyến 16⁰ Bắc xuống phía Nam, từ tháng 11 đến tháng 4 nước ta chịu tác động của gió nào sau đây?

A. Gió mùa Tây Nam.

B. Gió mùa Đông Nam.

C. Tín phong Bắc Bán Cầu.

D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, gió mùa đông thổi vào nước ta có nguồn gốc từ

A. áp cao chí tuyến Nam Bán Cầu.

C. áp cao Xipia – Liên Bang Nga.

B. áp cao Bắc Ấn Độ Dương.

D. áp cao Nam Ấn Độ Dương.

Câu 16: Tính chất của gió mùa hạ khi thổi vào nước ta là

A. lạnh ẩm, ít mưa.

B. lạnh ẩm, mưa nhiều.

C. nóng ẩm, mưa nhiều.

D. khô nóng, ít mưa.

Câu 17: Vào đầu mùa, gió mùa hạ thổi vào nước ta có nguồn gốc từ

A. áp cao chí tuyến Nam Bán Cầu.

C. áp cao Xipia.

B. áp cao Bắc Ấn Độ Dương.

D. áp cao Nam Ấn Độ Dương.

Câu 18: Vào giữa và cuối mùa, gió mùa hạ thổi vào nước ta có nguồn gốc từ áp cao

A. cận chí tuyến Nam Bán Cầu.

B. Xipia.

C. Bắc Ấn Độ Dương.

D. Nam Ấn Độ Dương.

Câu 19: Hoạt động gió mùa hạ từ tháng 5 đến tháng 7 **không** gây hệ quả nào sau đây?

A. Gây mưa lớn ở Nam Bộ.

B. Gây mưa trên cả nước.

C. Gây fơn khô nóng ở Tây Bắc.

D. Gây mưa ở Tây Trường Sơn.

Câu 20: Gió tây nam khô nóng thổi ở vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ vào đầu mùa hạ có nguồn gốc từ

A. cao áp Xi-bia.

C. cao áp Bắc Ấn Độ Dương.

B. Thái Bình Dương.

D. cao áp chí tuyến bán cầu Nam.

B. KHAI THÁC KIẾN THỨC TỪ ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM

TRANG 4 - 5 – HÀNH CHÍNH

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

A. Hà Giang.

B. Điện Biên.

C. Gia Lai.

D. Cà Mau.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Campuchia?

A. Lâm Đồng. B. Ninh Thuận. C. Bình Phước. D. Bình Thuận.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

A. Phú Thọ. B. Lai Châu. C. Yên Bái. D. Sơn La.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây vừa giáp Trung Quốc, vừa giáp Lào?

A. Điện Biên. B. Lào Cai. C. Sơn La. D. Lai Châu.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, điểm cực Tây phần đất liền của nước ta thuộc tỉnh

A. Khánh Hòa. B. Cà Mau. C. Hà Giang. D. Điện Biên.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh/thành phố

A. Khánh Hòa. B. Bình Thuận. C. Ninh Thuận. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** có đường biên giới trên đất liền với Trung Quốc?

A. Lào Cai. B. Tuyên Quang. C. Hà Giang. D. Cao Bằng.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt - Lào?

A. Hà Tĩnh. B. Phú Thọ. C. Bình Dương. D. Cao Bằng.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và Cam-pu-chia?

A. Quảng Bình. B. Quảng Nam. C. Quảng Trị. D. Long An.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh/thành phố nào sau đây **không** giáp với biển?

A. Quảng Ngãi. B. Hải Dương. C. Hải Phòng. D. Nam Định

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

A. Lạng Sơn. B. Sơn La. C. Lào Cai. D. Quảng Ninh.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp biển?

A. Phú Yên. B. Quảng Ngãi. C. Nam Định. D. Hưng Yên.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

A. Điện Biên. B. Yên Bái. C. Tuyên Quang. D. Sơn La.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Cam-pu-chia?

A. Long An. B. Quảng Trị. C. Quảng Nam. D. Quảng Bình.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** có đường biên giới với Lào?

A. Quảng Ninh. B. Quảng Bình. C. Quảng Nam. D. Quảng Trị.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

A. Phú Thọ. B. Hà Tĩnh. C. Bình Dương. D. Cao Bằng.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp Lào?

A. Kon Tum. B. Sơn La C. Điện Biên. D. Gia Lai.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc?

A. Sơn La. B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình. D. Lào Cai.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, điểm cực Nam trên đất liền của nước ta thuộc tỉnh

A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Kiên Giang. D. An Giang.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển?

A. Kiên Giang. B. An Giang. C. Đồng Tháp. D. Cà Mau.

TRANG 6 - 7 – HÌNH THỂ

- Câu 1:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng Tây Bắc - Đông Nam?
A. Hoàng Liên Sơn. B. Trường Sơn Nam. C. Bạch Mã. D. Đông Triều.
- Câu 2:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 và 7, cao nguyên Đắc Lắc có độ cao trung bình là
A. 500m -1000m. B. 1000m -1500m. C. dưới 1000m. D. 200m -500m.
- Câu 3:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?
A. Con voi. B. Hoàng Liên Sơn. C. Bạch Mã. D. Ngân Sơn.
- Câu 4:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy núi nào sau đây **không** có hướng vòng cung?
A. Sông Gâm. B. Ngân Sơn. C. Bắc Sơn. D. Con Voi.
- Câu 5:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng tây - đông?
A. Bạch Mã. B. Ngân Sơn. C. Hoàng Liên Sơn. D. Con Voi.
- Câu 6:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng tây bắc – đông nam?
A. Bạch Mã. B. Ngân Sơn. C. Hoàng Liên Sơn. D. Bắc Sơn.
- Câu 7:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng tây bắc – đông nam?
A. Bạch Mã. B. Ngân Sơn. C. Trường Sơn Bắc. D. Bắc Sơn.
- Câu 8:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?
A. Hoàng Liên Sơn. B. Con Voi. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.
- Câu 9:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất nước ta?
A. Phan-xi-păng. B. Tây Côn Lĩnh. C. Ngọc Linh. D. Phu Hoạt.
- Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất ở dãy Trường Sơn Nam?
A. Kon Ka Kinh. B. Chư Yang Sin. C. Ngọc Linh. D. Nam Decbri.
- Câu 11:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết đỉnh núi nào sau đây thuộc dãy Trường Sơn Bắc?
A. Rào Cò. B. Chư Yang Sin. C. Ngọc Linh. D. Nam Decbri.
- Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết thêm lục địa của vùng nào sau đây có độ sâu lớn nhất?
A. Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.
- Câu 13:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết quần đảo nào sau đây của nước ta có diện tích lớn nhất?
A. Trường Sa. B. Hoàng Sa. C. Côn Sơn. D. Thổ Chu.
- Câu 14:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết cao nguyên nào sau đây **không** thuộc vùng Tây Nguyên?
A. Mộc Châu. B. Kon Tum. C. Mơ Nông. D. Di Linh.
- Câu 15:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, vịnh Vân Phong thuộc tỉnh/thành phố
A. Vũng Tàu. B. Cần Thơ. C. Phú Yên. D. Khánh Hòa.
- Câu 16:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, Đà Lạt nằm trên cao nguyên
A. Đắc Lắc. B. Mơ Nông. C. Di Linh. D. Lâm Viên.
- Câu 17:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, hai vịnh biển có diện tích lớn nhất của nước ta là
A. Bắc Bộ và Thái Lan. B. Hạ Long và Cam Ranh.
C. Thái Lan và Cam Ranh. D. Vịnh Hạ Long và Xuân Đài.
- Câu 18:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết các đỉnh núi nào sau đây cao trên 3000 m?
A. Phan-xi-păng và Phu Luông. B. Phan-xi-păng và Tây Côn Lĩnh.
C. Phan-xi-păng và Ngọc Linh. D. Phan-xi-păng và Pu Si Lung.
- Câu 19:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7 - 9, cho biết những nơi nào sau đây có lượng mưa trung bình năm trên 2800 mm?
A. Bắc Bạch Mã, Hoàng Liên Sơn. B. Ngọc Linh, Bắc Bạch Mã.
C. Ngọc Linh, cao nguyên Di Linh. D. Móng Cái, Hoàng Liên Sơn.
- Câu 20:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, các vịnh biển theo thứ tự từ Bắc vào Nam là
A. Dung Quất, Quy Nhơn, Xuân Đài, Vân Phong, Cam Ranh.
B. Cam Ranh, Vân Phong, Xuân Đài, Quy Nhơn, Dung Quất.
C. Quy Nhơn, Dung Quất, Vân Phong, Cam Ranh, Xuân Đài.
D. Dung Quất, Xuân Đài, Cam Ranh, Vân Phong, Quy Nhơn.

TRANG 9 – KHÍ HẬU

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí hậu nào sau đây có tổng lượng mưa trung bình năm trên 2800mm?

- A. Hà Nội. B. TP. Hồ Chí Minh. C. Hải Phòng. **D. Huế.**

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI. **B. Tháng X.** C. Tháng XII. D. Tháng IX.

Câu 3: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết gió Tây khô nóng hoạt động chủ yếu ở vùng khí hậu nào?

- A. Tây Nguyên. B. Trung và Nam Bắc Bộ. **C. Bắc Trung Bộ.** D. Tây Bắc Bộ.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có biên độ nhiệt trong năm cao nhất?

- A. Nha Trang. B. Cà Mau. **C. Hà Nội.** D. TP. Hồ Chí Minh.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa ít nhất vào tháng II?

- A. Đồng Hới. **B. TP Hồ Chí Minh.** C. Sa Pa. D. Trường Sa.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây ở nước ta chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Tây Bắc Bộ. C. Trung và Nam Bắc Bộ. **D. Đông Bắc Bộ.**

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có mưa nhiều từ tháng IX đến tháng XII?

- A. Đà Lạt. **B. Nha Trang.** C. Thanh Hóa. D. Sa Pa.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

- A. Đông Bắc Bộ.** B. Tây Nguyên. C. Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây **không** thuộc miền khí hậu phía Nam?

- A. Tây Bắc Bộ.** B. Tây Nguyên. C. Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết gió mùa mùa hạ thổi vào Bắc Trung Bộ nước ta chủ yếu theo hướng nào sau đây?

- A. Đông Bắc. B. Đông Nam. C. Tây Bắc. **D. Tây Nam.**

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết bão thường tập trung nhiều nhất vào tháng nào trong năm?

- A. Tháng IX.** B. Tháng VIII. C. Tháng XI. D. Tháng X.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng XI?

- A. Cần Thơ. **B. Trường Sa.** C. Thanh Hóa. D. Hà Nội.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, gió tháng 1 tại trạm Đồng Hới thổi theo hướng

- A. đông bắc.** B. tây nam. C. bắc. D. tây bắc.

Câu 14: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có mùa mưa lệch về thu đông?

- A. Cần Thơ. B. Hà Nội. **C. Nha Trang.** D. Sa Pa.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, trạm khí tượng có nhiệt độ trung bình năm cao nhất là

- A. Thanh Hóa. B. Đà Nẵng. C. Lạng Sơn. **D. Cà Mau.**

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, gió mùa mùa hạ thổi vào Đồng bằng Bắc Bộ theo hướng

- A. đông. B. nam. **C. đông nam.** D. tây nam.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Nha Trang thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Tây Bắc Bộ. **C. Nam Trung Bộ.** D. Đông Bắc Bộ.